

Số: **27** /2026/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày **11** tháng **8** năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 883/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân ban hành Quy định một số nội dung và mức chi quản lý; thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 313/BC-BVHXXH ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Nội dung số thứ tự 14, mục I.1 Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tiếp tục thực hiện, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn bộ một số nghị quyết quy định về chính sách chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng nội dung và mức chi quản lý, chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ, tiếp nhận đề xuất đặt hàng nhiệm vụ.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng nội dung và mức chi quản lý, chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XVII, Kỳ họp thứ 4 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Giang



QUY ĐỊNH

Một số nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 27/2026/NQ-HĐND ngày 11/8/2026 của HĐND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung và mức chi sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Lào Cai thực hiện:

a) Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN Quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ; cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Lào Cai;

b) Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Lào Cai;

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Lào Cai; thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Lào Cai và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Những nội dung và mức chi không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN, Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp nội dung chi và mức chi tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN được

viện dẫn thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật khác của Trung ương mà văn bản quy phạm pháp luật đó giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cụ thể thì thực hiện theo văn bản do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

2. Mức chi đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo: Áp dụng bằng 50% mức chi theo quy định tại Chương II, chương III của Quy định này trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 3. Nội dung và mức chi hoạt động hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi thù lao

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		
a	Chi họp Hội đồng		
	- Chủ tịch Hội đồng	Đồng/ người/Hội đồng	1.440.000
	- Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		1.200.000
	- Thư ký khoa học		240.000
	- Thư ký hành chính		240.000
	- Đại biểu được mời tham dự		160.000
b	Chi nhận xét đánh giá		

	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	Đồng/người/phiếu nhận xét	560.000
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		800.000
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện		
	Chủ tịch Hội đồng	Đồng/người/nhiệm vụ	560.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		400.000
2	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo		
a	Chi họp Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng	Đồng/người/Hội đồng	1.200.000
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		800.000
	Thư ký khoa học		240.000
	Thư ký hành chính		240.000
	Đại biểu được mời tham dự		160.000
b	Chi nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	Đồng/người/phiếu nhận xét	400.000
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		560.000
3	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
a	Chi họp Hội đồng	01 Nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị	

		có nhu cầu ứng dụng kết quả	
	Chủ tịch Hội đồng	Đồng/người/Hội đồng	1.440.000
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200.000
	Thư ký khoa học		240.000
	Thư ký hành chính		240.000
	Đại biểu được mời tham dự		160.000
b	Chi nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Đồng/người/phiếu nhận xét	560.000
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện		800.000
4	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV Quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu
	Chủ tịch Hội đồng	Công	
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công	
	Thư ký khoa học	Công	
	Thư ký hành chính	Công	
b	Chi nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Đồng/người/phiếu nhận xét	800.000

5	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia	Đồng/người	1.200.000
---	--	------------	-----------

2. Mức chi thù lao của các Hội đồng gồm: Hội đồng tư vấn công nhận/hội đồng tư vấn chấm dứt, hủy bỏ hoặc từ chối chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực giấy công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo; hội đồng đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ; hội đồng xét duyệt đối tượng cung cấp và sản phẩm mới, dịch vụ mới; hội đồng thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hội đồng tư vấn để xem xét việc thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hội đồng xây dựng khung chương trình hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính được áp dụng bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 khoản 1 Điều này.

3. Các nội dung chi khác (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 4. Nội dung và mức chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi thù lao:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800.000
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	560.000
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	240.000
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	160.000

2. Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật.

Điều 5. Nội dung và mức chi công tác kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Lào Cai.

2. Mức chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 khoản 1 Điều 3 Quy định này.

3. Mức chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 khoản 1 Điều 3 Quy định này.

Điều 6. Nội dung và mức chi hội thảo khoa học, phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ

1. Người chủ trì hội thảo khoa học: 1.600.000 đồng/buổi.
2. Thư ký hội thảo khoa học: 560.000 đồng/buổi.
3. Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học: 4.000.000 đồng/báo cáo.
4. Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học: 2.400.000 đồng/báo cáo.
5. Thành viên tham gia hội thảo khoa học: 240.000 đồng/thành viên/buổi.

Điều 7. Nội dung và mức chi thù lao Ban Chủ nhiệm chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh có thành lập Ban Chủ nhiệm chương trình: Mức chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 3 khoản 1 Điều 3 Quy định này.

Điều 8. Nội dung và mức chi đánh giá tổ chức khoa học công nghệ công lập; tổ chức xây dựng, đánh giá chương trình, chính sách, chiến lược, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của tỉnh

1. Chi thù lao cho Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược thực hiện theo quy định tại mục 4 khoản 1 Điều 3 Quy định này.

2. Các nội dung và mức chi khác cho hoạt động này được thực hiện theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

Chương III

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 9. Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (theo tháng quy đổi): 56 triệu đồng/người/tháng; đối với chức danh quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/TT-BKHCN hoặc nhóm chức danh khác mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ và tối đa không vượt hệ số lao động khoa học của các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 39/TT-BKHCN.

b) Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại mục 1 khoản 1 Điều 3 Quy định này.

3. Mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

4. Kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN, bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 400 triệu đồng/nhiệm vụ.

5. Các nội dung và mức chi khác đối với thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 10. Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ

1. Hỗ trợ sinh hoạt phí cho người thực hiện hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng không sống tại tỉnh, thành phố có đơn vị chủ trì nghiên cứu trong thời gian không quá 12 tháng với mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/01 tháng cho các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Các nội dung và mức chi khác cho hoạt động này thực hiện theo Điều 38 của Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 11. Hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

1. Mức chi hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

a) Hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/năm đối với chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung;

b) Hỗ trợ không quá 5 triệu đồng/tháng đối với chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

2. Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/01 đơn vị tham gia.

3. Các nội dung và mức chi khác cho hoạt động này được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN./.